

Bản án số: 133/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29-7-2026

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Thống.

Ông Nguyễn Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**; sinh năm 1983; Căn cước công dân số: 096183003763 (*xin vắng mặt*).

Địa chỉ cư trú: **Khóm H, xã H, tỉnh Cà Mau.**

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1978; Căn cước số: 096078008385 (*vắng mặt*).

Địa chỉ cư trú: **Ấp D, xã T, tỉnh Cà Mau.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn, bà **Nguyễn Thị T** trình bày:*

Về hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị T** và ông **Nguyễn Văn T1** chung sống vào năm 2001, có tổ chức đám cưới gã theo phong tục địa phương nhưng hôn nhân không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến mất hạnh phúc, vợ chồng ly thân 14 năm nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà **T** yêu cầu ly hôn với ông **Nguyễn Văn T1**.

- Về nuôi con: Có ba người con chung.

- + Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 26/12/2001 (nữ);
- + Nguyễn Bảo T3, sinh ngày 13/11/2003 (nữ);
- + Nguyễn Trọng T4, sinh ngày 15/5/2007 (nam).

Các người con hiện nay đã trưởng thành nên khi ly hôn, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn – Ông Nguyễn Văn T1: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông T1 không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà T yêu cầu ly hôn, về phần nuôi con, tài sản chung và công nợ. Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Nguyễn Văn T1 vắng mặt lần thứ hai không lý do.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng.

Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T1 ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp “Xin ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; do ông T1 cư trú tại ấp D, xã T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung một số Điều năm 2025).

Bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt vì bận công việc, điều kiện đi lại khó khăn, yêu cầu này của đương sự là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T1

[2]. Về nội dung vụ án.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1 chung sống như vợ chồng vào năm 2001, có tổ chức đám cưới gả theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; hiện tại đời sống giữa bà T và ông T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn đã ly thân từ năm 2012 đến nay (14 năm) nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T1. Hội đồng xét xử xét thấy bà T và ông T1 chung sống như vợ chồng, không đăng ký kết hôn đã vi phạm Luật hôn nhân và gia đình. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 thì quan hệ của bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1 không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

- Về nuôi con: Có ba người con chung.
- + Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 26/12/2001 (nữ);
- + Nguyễn Bảo T3, sinh ngày 13/11/2003 (nữ);
- + Nguyễn Trọng T4, sinh ngày 15/5/2007 (nam).

Các người con hiện nay đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét việc nuôi dưỡng.

- Về chia tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 220, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1.

- Về nuôi con: Có ba người con chung.
- + Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 26/12/2001 (nữ);
- + Nguyễn Bảo T3, sinh ngày 13/11/2003 (nữ);
- + Nguyễn Trọng T4, sinh ngày 15/5/2007 (nam).

Các người con hiện nay đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét việc nuôi dưỡng.

Về chia tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà T được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu số 0005113 ngày 24 tháng 04 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh C, bà T đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Phòng THADS Khu vực 5 – Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Diệu Hiền